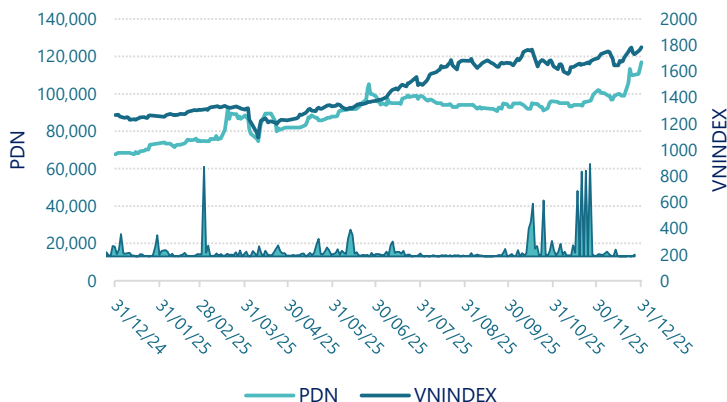




CTCP Cảng Đồng Nai (HSX: PDN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	116,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	116,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	67,631
SL cổ phiếu LH	55,565,820
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,255
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,496
P/E	14.9
EPS	7,856

DT thuần

Q4/25

430

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 31.0 | 7.9%

YoY: ▲ 61.0 | 16.6%

LN sau thuế

Q4/25

104

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 4.00 | -3.8%

YoY: ▲ 17.1 | 19.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

35.0%

+/- YoY: ▲ 2.0%

DT thuần

2025

1,576

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 239 | 17.8%

LN sau thuế

2025

437

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 90.0 | 25.7%

ROE

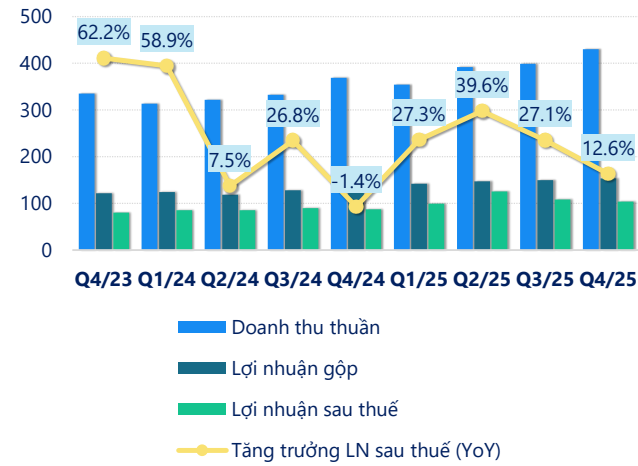
2025

32.0%

+/- YoY: ▲ 1.0%

tỷ VNĐ

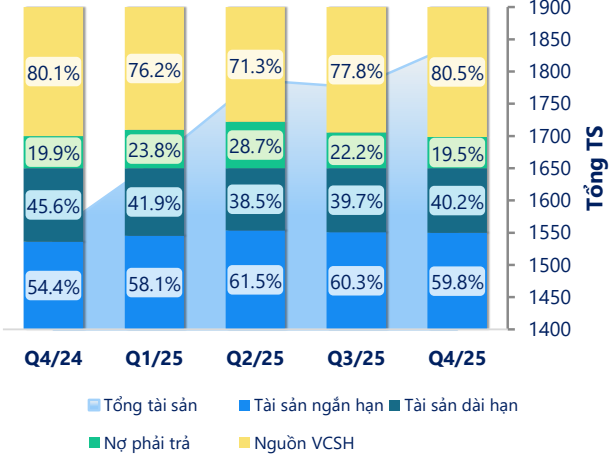
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

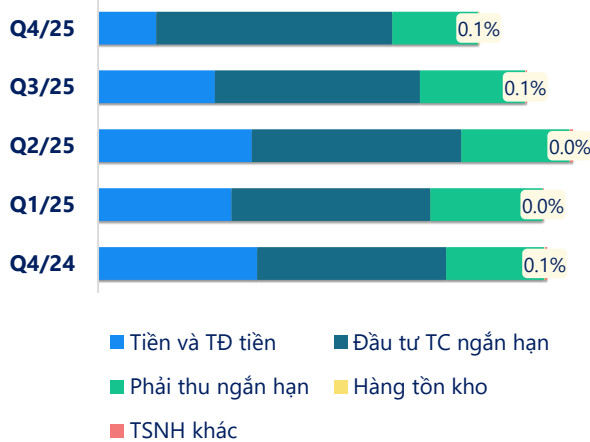
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



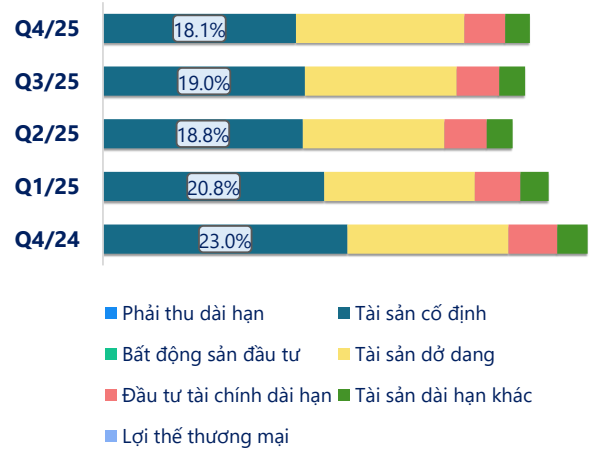
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

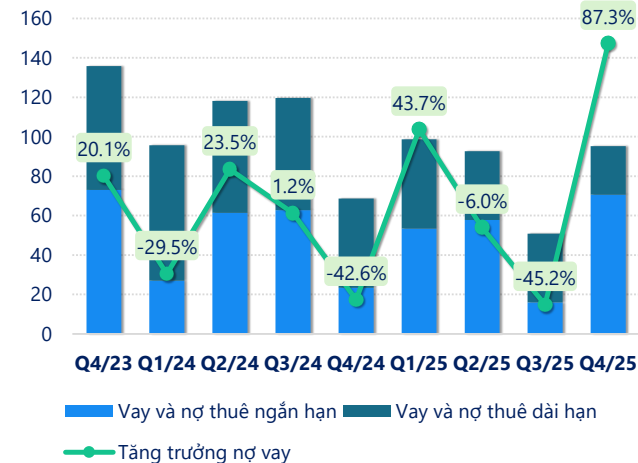
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

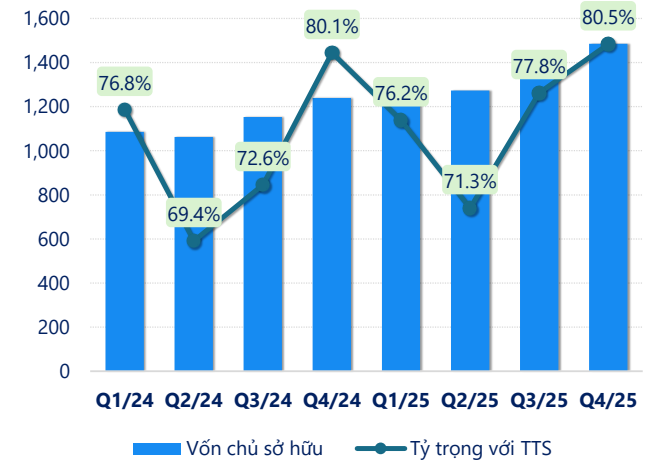
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

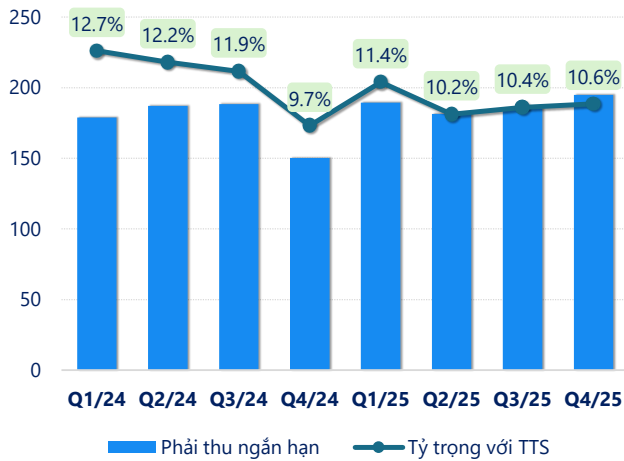
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



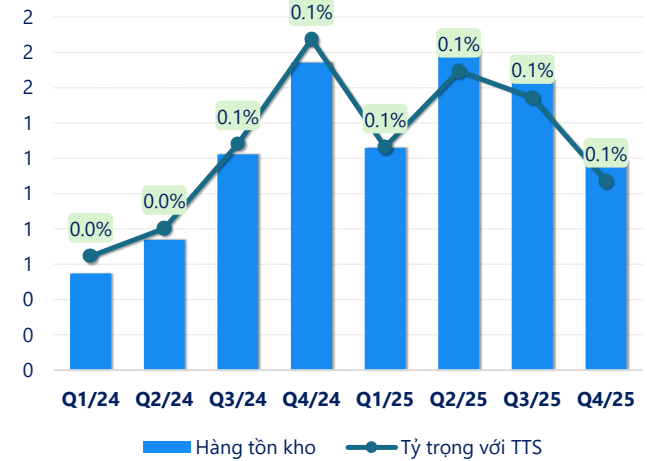
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


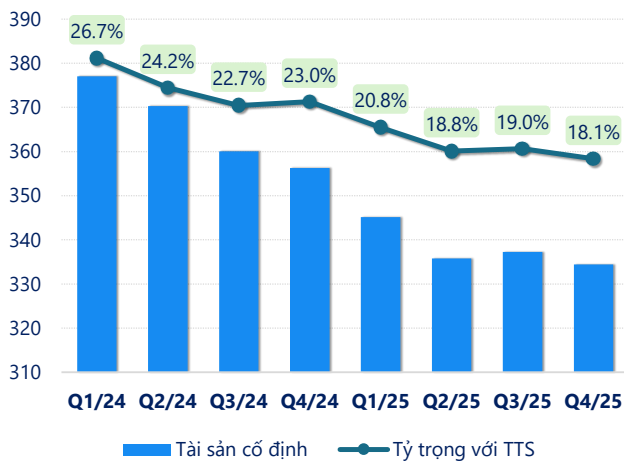
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


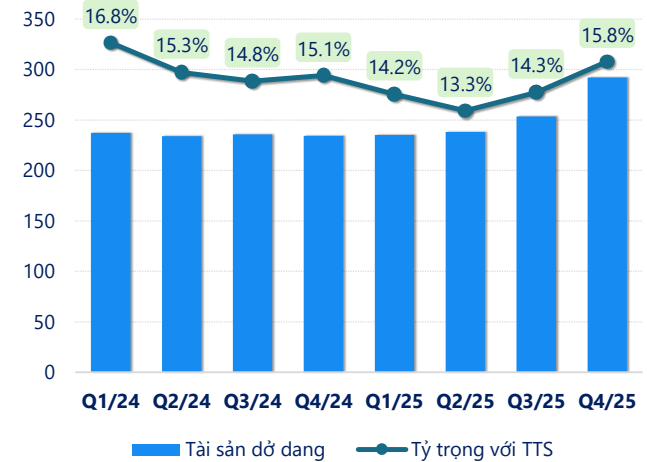
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

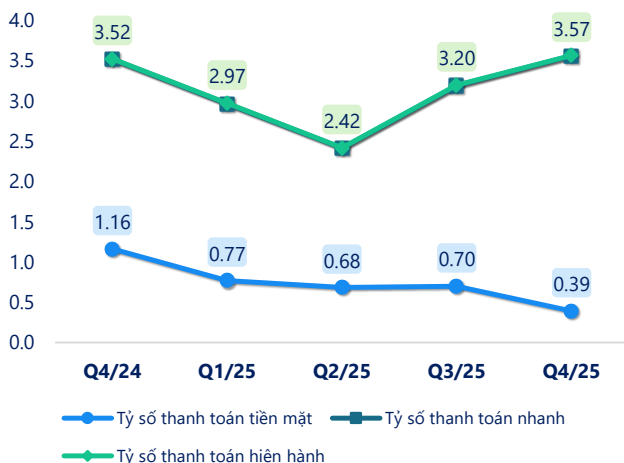
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

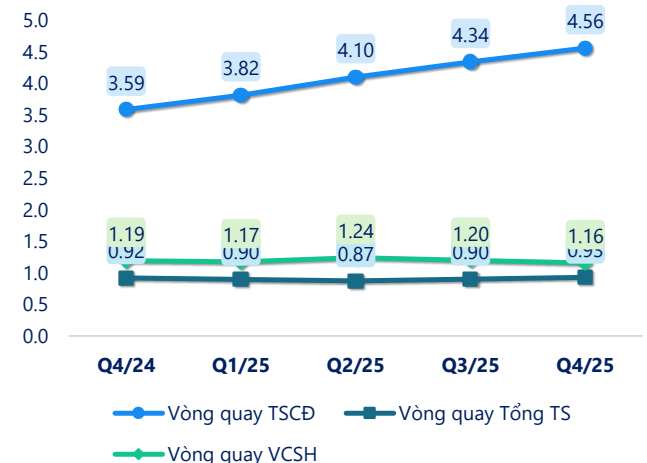
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,549	1,659	1,787	1,776	1,844
Tài sản ngắn hạn	843	964	1,098	1,071	1,103
Tiền và tương đương tiền	278	250	310	234	121
Đầu tư tài chính ngắn hạn	413	522	601	647	779
Phải thu ngắn hạn	150	189	181	185	195
Hàng tồn kho	1.74	1.26	1.82	1.65	1.18
Tài sản ngắn hạn khác	0.43	1.46	4.45	3.85	7.69
Tài sản dài hạn	706	695	688	705	740
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	356	345	336	337	334
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	234	235	238	253	292
Đầu tư tài chính dài hạn	71.0	71.0	71.0	71.0	71.0
Tài sản dài hạn khác	44.3	43.9	43.5	43.3	42.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	309	394	514	395	359
Nợ ngắn hạn	239	325	454	335	310
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.5	53.5	57.8	15.9	70.6
Phải trả người bán ngắn hạn	91.1	109	133	143	119
Nợ dài hạn	69.8	69.8	59.5	59.5	49.3
Vay và nợ thuê dài hạn	45.2	45.2	34.9	34.9	24.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,240	1,265	1,273	1,381	1,485
Vốn chủ sở hữu	1,240	1,265	1,273	1,381	1,485
Vốn điều lệ	370	370	370	556	556
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)